TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109/**2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 5 năm 2019
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Anh T và chị Hoàng Thị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm.
Bà Ma Thị Thu Loan.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/4/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1983.
Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988.
Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, bản tự khai ngày 29/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (Nguyễn Anh T) với chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và

được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sông sinh hoạt, đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Từ đầu năm 2018 anh và chị H đã ly thân, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 02/9/2009, hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh và theo học tại Trường tiểu học xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Anh xác định anh và chị H không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Hoàng Thị H đến Tòa án để giải quyết việc anh T yêu cầu ly hôn, nhưng chị H đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Hoàng Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện nay chị H đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, không thông báo địa chỉ mới cho gia đình và địa phương; anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị H sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ly thân đã lâu; vợ chồng anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 02/9/2009, hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh T và học tại Trường tiểu học xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị H; giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 02/9/2009 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung. Anh Nguyễn Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị Hoàng Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay chị H đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, không thông báo địa chỉ mới cho gia đình và địa phương nên hiện tại không rõ chị H đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình đã thông báo cho chị H nhưng chị H vẫn không về để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị H không về và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, hai vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân của anh T và chị H không hạnh phúc, ly thân từ đầu năm 2018 đến nay và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Anh T là xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Anh T và chị Hoàng Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 02/9/2009, hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh T và theo học tại Trường tiểu học xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Xét thấy cháu T1 còn nhỏ và có nguyện vọng được ở cùng anh Nguyễn Anh T, còn chị H hiện nay không có nơi cư trú ổn định nên cần giao cháu Nguyễn Hoàng T1 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ chung: Anh Nguyễn Anh T xác định vợ chồng không có tài sản, vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Anh T phải nộp án phí sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 02/9/2009 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000696 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Chị Hoàng Thị H không phải nộp án phí.

Anh Nguyễn Anh T và chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã C, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bàn Văn Thế